

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 20 - 12 - 2024

V/v: chia tài sản chung sau ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Thái Sơn

*Các Thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Thanh Nhân và bà Từ Thị Hải Dương

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lưu Hoàng Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên;

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 16/2024/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn”,

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 25/2024/HNGĐ-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang L, sinh năm: 1955; địa chỉ: Ngõ B H, tổ dân phố A P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc Á, sinh năm: 1953; địa chỉ: Ngõ B H, tổ dân phố A P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Anh T, sinh năm 1985, chị Phạm Thị Thanh L1, sinh năm 1993, địa chỉ: Ngõ B H, tổ dân phố A P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đều có mặt.

\* *Người kháng cáo:* Ông Lê Quang L - Là nguyên đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Quang L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Á** có tình cảm và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1985 đến nay nhưng không đăng lý kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, đầm ấm cho đến khoảng từ 5 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không chia sẻ, chăm sóc nhau, giữa hai người thường xuyên phát sinh xung đột, cãi vã căng thẳng. Hiện tại tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng không còn sự quan tâm dành cho nhau, mỗi người có không gian sinh hoạt riêng độc lập. Ông **L** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả ông và bà **Á** đều không mong muốn hàn gắn hạnh phúc vợ chồng nữa nên có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho vợ chồng ông để mỗi người ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng ông có 02 người con chung là anh **Lê Anh T**, sinh năm 1985 và chị **Lê Thị Kim L2**, sinh năm 1990. Hiện cả hai con chung đều đã trưởng thành, sống tự lập nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông có tài sản chung là một ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số thửa đất số 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: **Tổ dân phố A P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình** và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Ông **L** yêu cầu Tòa án định giá và phân chia theo pháp luật. Nhà, đất hiện tại có nguồn gốc là được mua bằng nguồn tiền bán miếng đất của bố mẹ ông trước đây để lại. Ông có nguyện vọng được nhận tài sản bằng hiện vật là nhà, đất để làm nơi ở và thờ cúng tổ tiên ông bà và giao số tiền chênh lệch cho bà **Á** là khoảng 270 triệu. Vợ chồng ông không có nợ chung.

Trước đây vào năm 2021, vợ chồng ông có thỏa thuận tặng cho vợ chồng con trai là anh **Lê Anh T** và chị **Phạm Thị Thanh L1** một phần đất thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ 21, việc tặng cho chỉ mới nói bằng miệng, chưa làm thủ tục chuyển nhượng đất, vợ chồng anh **T** đã xây dựng nhà ở trên đó từ năm 2021 và sinh sống cho đến nay nhưng chưa tiến hành thủ tục kê khai đăng ký, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Tuy nhiên, hiện nay anh **T** có những hành vi ngược đãi đối với ông nên ông không đồng ý tặng cho đất vợ chồng anh **T**, chị **L1** nữa.

- Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Lê Thị Ngọc Á** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung: Bà thừa nhận như ông **L** trình bày. Bà đồng ý ly hôn với ông **Lê Quang L** vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng. Các con chung đã lớn và có cuộc sống tự lập, bà không có yêu cầu xem xét. Hai vợ chồng ông bà không có nợ chung.

Về tài sản chung:

- Bà thống nhất với ông **L** về khối tài sản chung của 02 vợ chồng là ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số thửa đất số 317, tờ bản đồ 21, và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Nguồn gốc đất được mua từ tiền bán thửa đất do bố mẹ ông **L** để lại.

Bà không đồng ý với đề nghị của ông L về việc nhận phần tài sản là số tiền chênh lệch khoảng 270 triệu, bà mong muốn được nhận phần tài sản là ngôi nhà.

- Ngoài ra, bà A trình bày vợ chồng bà còn có tài sản chung là khoản tiền ông L gửi tiết kiệm tại Ngân hàng.

Bà thừa nhận vào năm 2021 vợ chồng ông bà đã tặng cho một phần diện tích đất trong thửa đất số 317 cho vợ chồng con trai là anh T, chị L1. Bà yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho đất này là hợp pháp, vì sau khi được tặng cho đất thì vợ chồng anh T đã xây dựng nhà ở kiên cố và sinh sống từ năm 2021 đến nay. Đồng thời bà xác nhận không có việc anh T ngược đãi bố mẹ như ông L trình bày.

- *Tại bản tự khai đề ngày 09/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Anh T là con của ông L, bà A trình bày:*

Năm 2021, bố mẹ anh T là ông L, bà A có tặng cho vợ chồng anh chị một diện tích đất thuộc thửa đất của bố mẹ là thửa đất số 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: **Tổ dân phố A P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**. Việc tặng cho hai bên thỏa thuận bằng miệng, chưa thực hiện các thủ tục sang tên tách thửa. Sau khi được tặng cho vợ chồng anh T đã xây dựng nhà ở ổn định và sinh sống từ năm 2021 đến nay. Vì điều kiện công việc hai vợ chồng anh quá bận rộn, kinh tế cũng chưa dư dả nên chưa thực hiện việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được bố mẹ tặng cho. Nay bố mẹ anh làm thủ tục ly hôn thì anh T, chị L1 có yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho đất giữa bố mẹ với vợ chồng anh chị có hiệu lực pháp luật. Công nhận phần đất được tặng cho thuộc quyền sử dụng của vợ chồng anh.

Quá trình sống gần nhau, chung một khuôn viên nhà đất như hiện tại, do tính cách giữa anh và bố quá khác biệt, bố mẹ lại thường xuyên phát sinh xung đột, cãi vã nhau nên có một vài lần anh vì nóng nảy mà lớn tiếng cãi lại bố. Tuy nhiên, anh không có hành vi ngược đãi bố mẹ như ông L trình bày.

Anh T đã có đơn yêu cầu độc lập đề ngày 27/4/2024 gửi Tòa án yêu cầu công nhận anh là chủ sở hữu hợp pháp đối với diện tích đất được bố mẹ tặng cho tại thửa đất số 317, tờ bản đồ số 21.

- *Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 22/8/2024 cụ thể như sau:*

Thửa đất số 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: **Tổ dân phố A P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình** theo GCNQSDĐ số CX 476879 do Sở T3 cấp cho ông Nguyễn Trường S và bà Lê Thị My T1 ngày 25/8/2020; được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ chỉnh lý, biến động chuyển nhượng cho ông Lê Quang L, bà Lê Thị Ngọc A ngày 26/10/2020; có diện tích 315,5 m<sup>2</sup>, trong đó đất ở đô thị 190 m<sup>2</sup>, đất trồng cây hàng năm khác 125,5 m<sup>2</sup>. Diện tích đất thực tế đang sử dụng là 323,5 m<sup>2</sup>, nhiều hơn 8 m<sup>2</sup> so với GCNQSDĐ.

Tài sản trên đất gồm có 02 ngôi nhà:

+ Ngôi nhà a: Do vợ chồng anh **T** chị **L1** xây dựng, đặc điểm: Nhà ở một tầng có diện tích 86,1 m<sup>2</sup>, phần sân có diện tích 21 m<sup>2</sup>, có mái che lợp tôn, sườn khung sắt, trụ bê tông cốt thép, nền lát gạch.

+ Ngôi nhà b: Do vợ chồng ông **L** bà **Â** xây dựng, đặc điểm: Nhà ở một tầng có diện tích 89,9 m<sup>2</sup>, móng trụ bê tông cốt thép, tường xây bao bằng gạch, nền lát gạch, tường quét sơn, cửa khung ngoại, khu vệ sinh, bếp đầy đủ, hệ thống điện nước hoàn chỉnh. Phía sau còn có nhà tạm diện tích 19,3 m<sup>2</sup>, mái hiên che lợp tôn, trụ công, cổng sắt, hàng rào bê tông.

Trong nhà có các tài sản là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 1 bộ bàn ghế, 01 tủ thờ, bàn thờ, lam phòng khách (tất cả được làm bằng vật liệu gỗ tự nhiên); 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu CANARY, biển kiểm soát: 73B1-289.90, chủ xe: **Lê Quang L**.

*Kết quả định giá tài sản:*

+ Giá trị quyền sử dụng đất (không bao gồm diện tích nhà và sân của nhà a): 106.209.500 đồng (bao gồm: 103,9 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 101.822.000 đồng và 112,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác trị giá 4.387.500 đồng);

+ Các tài sản trên đất (không bao gồm nhà a) trị giá 445.044.876 đồng, gồm có:

Nhà ở của ông **L**, bà **Â**: 346.974.876 đồng;

Nhà tạm: 15.633.000 đồng;

Cổng, hàng rào, mái che: 37.212.000 đồng;

Bàn ghế, tủ thờ, bàn thờ, lam phòng khách: 40.625.000 đồng

Xe mô tô nhãn hiệu CANARY đã qua sử dụng: 4.600.000 đồng.

**Tổng giá trị tài sản: 551.254.376 đồng.**

- *Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 25/2024/HNGĐ-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

*Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 165; các điều 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.*

*Áp dụng các điều 116, 117, 129, 213, 223 và Điều 500 Bộ luật Dân sự;*

*Áp dụng các điều 9, 14, 15, 29, 33, 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Lê Quang L***

*1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Â**.*

*1.2. Về con chung: Xác định ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Â** thống nhất có 02 (hai) người con chung là anh **Lê Anh T**, sinh năm 1985 và chị **Lê Thị Kim L2**,*

sinh năm 1990. Hiện các con chung đã trưởng thành và có cuộc sống riêng tự lập, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

### 1.3. Về tài sản chung, công nợ chung:

- Về tài sản chung: Giao cho ông **Lê Quang L** được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng có trị giá 551.254.376 đồng (Năm trăm năm mươi một triệu, hai trăm năm mươi bốn ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng) gồm:

+ Một phần đất có diện tích 216,4 m<sup>2</sup> (gồm 103,9 m<sup>2</sup> đất ở và 112,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) thuộc của thửa đất 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: **Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Đ cấp ngày 25/8/2020, mang tên ông **Nguyễn Trường S, Lê Thị My T2**; Đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông **Lê Quang L, bà Lê Thị Ngọc Á** ngày 26/10/2020.

+ Tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà ở một tầng có diện tích 89,9 m<sup>2</sup>, móng trụ bê tông cốt thép, tường xây bao bằng gạch, nền lát gạch, tường quét sơn, cửa khung ngoại, khu vệ sinh, bếp đầy đủ, hệ thống điện nước hoàn chỉnh. Ngoài ra còn có nhà tạm, mái hiên che lợp tôn, trụ cổng, công sắt, hàng rào bê tông.

+ Tài sản là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 1 bộ bàn ghế, 01 tủ thờ, bàn thờ, lam phòng khách (tất cả được làm bằng vật liệu gỗ tự nhiên); 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu CANARY, biển kiểm soát: 73B1-289.90, chủ xe: **Lê Quang L**.

Buộc ông **Lê Quang L** phải thanh toán cho bà **Lê Thị Ngọc Á** giá trị chênh lệch tài sản là 275.627.188 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi bảy ngàn một trăm tám mươi tám đồng).

- Về nợ chung: Xác nhận ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Á** không có.

### 2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Anh T** và chị **Phạm Thị Thanh L1**:

Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giao kết bằng miệng giữa bên tặng cho là ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Á** với bên được tặng cho là anh **Lê Anh T** và chị **Phạm Thị Thanh L1** đối với một phần diện tích đất thuộc thửa đất thửa số 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: **Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình** có hiệu lực pháp luật.

Giao cho anh **Lê Anh T** và chị **Phạm Thị Thanh L1** được quyền sử dụng phần đất có diện tích 107,1 m<sup>2</sup>, bao gồm 86,1 m<sup>2</sup> đất đã xây dựng nhà ở và 21 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác đã xây dựng sân có mái che bằng tôn, thuộc thửa đất 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: **Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Đ cấp ngày 25/8/2020, mang tên ông **Nguyễn Trường S, Lê Thị My T2**; Đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông **Lê Quang L, bà Lê Thị Ngọc Á** ngày 26/10/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.



- Sau khi xét xử sơ thẩm, bà **Â** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cáo; Ngày 18/9/2024, nguyên đơn ông **Lê Quang L** có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu: Đề nghị Tòa án xem xét tại phần tài sản chung đã tuyên tại Bản án sơ thẩm số 25/2024/HNGĐ-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Tại phiên toà: Ông **L** vẫn giữ nguyên kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm; đương sự chịu án phí theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn đảm bảo đầy đủ về nội dung, hình thức và được làm trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, ông **L** thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ hôn nhân: Bản án sơ thẩm không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Â**. Không có ai kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật; Về quan hệ con chung: Ông **L** bà **Â** có hai con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng, hai bên không có yêu cầu xem xét nên có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông **Lê Quang L** đề nghị xem xét lại phần tài sản chung, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên đương sự đều thống nhất tài sản chung của ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Â** là nhà, các đồ dùng sinh hoạt trong nhà và đất trên thửa đất số 317, tờ bản đồ 21, có diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất 315,5 m<sup>2</sup> (trong đó có 190m<sup>2</sup> đất ở và 125,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), diện tích đất thực tế là 323,5 m<sup>2</sup>, địa chỉ: **Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**.

[2.1] Đối với phần diện tích đất anh **Lê Anh T** và chị **Phạm Thị Thanh L1** đã xây dựng nhà ở và sử dụng, các đương sự đều thừa nhận ông **Lê Quang L** và bà **Lê**

Thị Ngọc Á đã đồng ý tặng cho vợ chồng con trai là anh Lê Anh T và chị Phạm Thị Thanh L1 một phần đất thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ 21, việc tặng cho được các bên giao kết bằng miệng, chưa làm thủ tục chuyển nhượng đất. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết này được công nhận và không phải chứng minh. Sau khi được tặng cho đất, vợ chồng anh T đã xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định từ năm 2021 cho đến nay, việc này ông L bà Á đều thừa nhận và không có ý kiến phản đối gì. Như vậy giao dịch tặng cho đất giữa bên tặng cho là vợ chồng ông Lê Quang L, bà Lê Thị Ngọc Á và bên được tặng cho anh Lê Anh T, chị Phạm Thị Thanh L1 đã hoàn thành trên thực tế.

[2.2] Ông L cho rằng anh T đã có hành vi ngược đãi ông nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, đồng thời cả bị đơn và anh T đều không thừa nhận sự việc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Án lệ số 03/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, để xác định Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được giao kết bằng miệng giữa bên tặng cho là ông Lê Quang L, bà Lê Thị Ngọc Á với bên được tặng cho là anh Lê Anh T, chị Phạm Thị Thanh L1 đối với tài sản là một phần diện tích đất thuộc thửa đất thửa số 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Việc ông L kháng cáo với lý do nếu bà Á ở với con thì ông đồng ý cho tách thửa, còn không thì thôi vì nhà ông để thờ ông bà và dòng họ của ông. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm đã xem xét và giao ngôi nhà và tài sản đồ dùng sinh hoạt trong gia đình cho ông L được quyền sở hữu, sử dụng và ông L có trách nhiệm giao tiền chênh lệch tài sản cho bà Á và công nhận một phần diện tích đất cho vợ chồng anh Lê Anh T, chị Phạm Thị Thanh L1 là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Còn việc bà Á ở chỗ nào là quyền của bà, ông L không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì làm thay đổi bản chất của vụ án. Vì vậy, kháng cáo của ông L là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần quan hệ tài sản chung theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông L thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí cho nên được miễn án phí phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm; bà Lê Thị Ngọc Á được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 165; các điều 266, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 29, 33, 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng các điều 116, 117, 129, 213, 223 và Điều 500 Bộ luật dân sự; Tuyên xử:

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông **Lê Quang L.** Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 25/2024/HNGĐ-ST ngày 13/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình về phần quan hệ chia tài sản chung.

\* Về tài sản chung: Giao cho ông **Lê Quang L** được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng có trị giá 551.254.376 đồng (Năm trăm năm mươi một triệu, hai trăm năm mươi bốn ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng) gồm:

+ Một phần đất có diện tích 216,4 m<sup>2</sup> (gồm 103,9 m<sup>2</sup> đất ở và 112,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) thuộc của thửa đất 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: **Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình**, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND thành phố Đ** cấp ngày 25/8/2020, mang tên ông **Nguyễn Trường S, Lê Thị My T2**; Đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông **Lê Quang L**, bà **Lê Thị Ngọc Á** ngày 26/10/2020.

+ Tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà ở một tầng có diện tích 89,9m<sup>2</sup>, móng trụ bê tông cốt thép, tường xây bao bằng gạch, nền lát gạch, tường quét sơn, cửa khung ngoài, khu vệ sinh, bếp đầy đủ, hệ thống điện nước hoàn chỉnh. Ngoài ra còn có nhà tạm, mái hiên che lợp tôn, trụ cổng, cổng sắt, hàng rào bê tông.

+ Tài sản là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 1 bộ bàn ghế, 01 tủ thờ, bàn thờ, lam phòng khách (tất cả được làm bằng vật liệu gỗ tự nhiên); 01 xe mô tô đã qua sử dụng, nhãn hiệu CANARY, biển kiểm soát: 73B1-289.90, chủ xe: **Lê Quang L.**

\* Buộc ông **Lê Quang L** phải thanh toán cho bà **Lê Thị Ngọc Á** giá trị chênh lệch tài sản là 275.627.188 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi bảy ngàn một trăm tám mươi tám đồng).

- Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.\* Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Lê Anh T** và chị **Phạm Thị Thanh L1**:

Công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giao kết bằng miệng giữa bên tặng cho là ông **Lê Quang L** và bà **Lê Thị Ngọc Á** với bên được tặng cho là anh **Lê Anh T** và chị **Phạm Thị Thanh L1** đối với một phần diện tích đất thuộc thửa đất



thửa số 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có hiệu lực pháp luật.

Giao cho anh Lê Anh T và chị Phạm Thị Thanh L1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 107,1 m<sup>2</sup>, bao gồm 86,1 m<sup>2</sup> đất đã xây dựng nhà ở và 21 m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác đã xây dựng sân có mái che bằng tôn, thuộc thửa đất 317, tờ bản đồ 21, địa chỉ: Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Đ cấp ngày 25/8/2020, mang tên ông Nguyễn Trường S, Lê Thị My T2; Đăng ký biến động chuyên nhượng cho ông Lê Quang L, bà Lê Thị Ngọc Á ngày 26/10/2020.

(có sơ đồ kèm theo)

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Ông Lê Quang L được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm; bà Lê Thị Ngọc Á được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/12/2024).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Thái Sơn**